

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH PHÚ
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 05 - 02 - 2020

V/v tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Cẩm Nhung

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Dương Văn Hai

2. Ông Nguyễn Văn Chót

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Phú tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Phú Quý - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 04/2019/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 12 năm 2019 về việc tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 01 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Trúc N, sinh năm: 1985; ĐKTT: 169/1 ấp АД, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre; chỗ ở hiện nay: 140/1 ấp TB, xã TH, huyện P, tỉnh Bến Tre (có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. *Bị đơn:* Anh Lê Hoàng D, sinh năm: 1988, địa chỉ: 169/1 ấp АД, xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, bản khai, Đơn xin xét xử vắng mặt trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Trúc N trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Hoàng D kết hôn trên cơ sở tự nguyện; vào năm 2014 cả hai được gia đình tổ chức lễ cưới và tiến hành đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã An Nhơn, huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 22/7/2014. Sau khi kết hôn chị và anh D cùng làm ăn và sinh sống tại ấp An Định, xã An Nhơn. Thời gian chung sống có 01 con chung Lê Hoàng Nam, sinh ngày: 16/10/2015. Tuy nhiên trong khoảng thời gian sống chung chị và anh D thường xuyên mâu thuẫn, cãi vã nhau từ việc anh D thường xuyên nhậu nhẹt và tham gia cờ bạc. Chị khuyên giải nhưng anh D không sửa đổi mà còn cự cãi, chửi bới, xúc phạm chị và gia đình bên vợ. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng lớn nên chị có

Nhiều lần về nhà cha mẹ ruột ở xã Thạnh Hải sống ly thân với anh D để anh D sửa đổi, sau đó vì thương con nên chị có quay lại tiếp tục chung sống với anh D. Tuy nhiên nhận thấy anh D ngày càng sa đà nhậu nhẹt, tình cảm vợ chồng rạn nứt từ nguyên nhân này và không thể hàn gắn được nên chị sống ly thân với anh D từ tháng 06/2019 cho đến nay. Hiện chị không còn tình cảm với anh D nên yêu cầu được ly hôn anh D. Chị không yêu cầu anh D cấp dưỡng cho chị khi ly hôn.

Về con chung: Lê Hoàng N1, sinh ngày 25/7/2005 hiện đang sống cùng anh D, chị đồng ý giao cháu N1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng và không cấp dưỡng nuôi con chung nhưng sẽ có trách nhiệm lo cho con.

Về tài sản chung, nợ chung: chị trình bày không có, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn Lê Hoàng D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng đều vắng mặt nên không có lời trình bày.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về trình tự, thủ tục: Thẩm phán và Hội đồng xét xử sơ thẩm đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý cho đến khi đưa vụ án ra xét xử. Do nguyên đơn có yêu cầu xét xử vắng mặt, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

Về nội dung: xét lời trình bày của chị N và anh D các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Thấy rằng trong thời gian chung sống chị N và anh D đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, không hàn gắn đoàn tụ được. Do đó có căn cứ xác định hôn nhân giữa chị N và anh D đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn Nguyễn Thị Trúc N, chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Hoàng D nên đây là tranh chấp “ly hôn, nuôi con chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn anh Lê Hoàng D cư trú tại xã N, huyện P, tỉnh Bến Tre, do đó căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú.

[3] Về tố tụng: chị N có yêu cầu xét xử vắng mặt; anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Vì vậy căn cứ khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng trong vụ án.

[4] Về hôn nhân: xét về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn thấy rằng chị N và anh D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã An Nhơn, huyện Thạnh Phú cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày

22/7/2014. Do đó hôn nhân của anh, chị đã tuân thủ đầy đủ các quy định về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là hôn nhân hợp pháp.

Xét lời trình bày của chị N cho rằng mối quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh D đã trải qua khoảng thời gian dài mất hạnh phúc từ việc chị và anh D thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm và đã sống ly thân từ tháng 06/2019 đến nay, hiện không có khả năng hàn gắn đoàn tụ. Đối với anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ N ều lần nhưng vẫn vắng mặt không tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, các phiên tòa xét xử cùng với kết quả xác minh về tình trạng hôn nhân giữa chị N, anh D thông qua lời trình bày của bà Lê Thị Vân (mẹ của anh D) cho nên nội dung mà chị N đã trình bày về tình trạng hôn nhân giữa anh D và chị là có căn cứ chấp nhận. Từ đó cho thấy mâu thuẫn của vợ chồng chị N, anh D đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn không đạt được nên cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị là phù hợp.

[5] Về con chung: cháu Lê Hoàng N1, sinh ngày: 16/10/2015 hiện đang sống cùng anh D, chị N đồng ý giao cháu N1 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, cháu N1 hiện vẫn đang phát triển tốt về thể chất, tinh thần. Vì vậy cần giao cháu Nam cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và ghi nhận việc chị N không cấp dưỡng nuôi con chung do anh D không yêu cầu.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: chị N trình bày không có, chị N và anh D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

[7] Về án phí: chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch đối với yêu cầu ly hôn theo quy định pháp luật.

[8] Quan điểm của Kiểm sát viên là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; các Điều 39, Điều 147, Điều 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 81, 82, 83, 84, 115 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Trúc N. Chị Nguyễn Thị Trúc N được ly hôn với anh Lê Hoàng D

Chị N và anh D không yêu cầu giải quyết nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ, chồng khi ly hôn.

2. Về con chung: anh Lê Hoàng D được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Lê Hoàng N1, sinh ngày: 16/10/2015 và ghi nhận việc chị N không cấp dưỡng nuôi con chung do anh D không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trên cơ sở lợi ích của con, cha mẹ

hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con khi có căn cứ.

3. Về tài sản chung, nợ chung: chị N và anh D không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Trúc N phải chịu 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0006209 ngày 26/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú xem như đã nộp xong.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- UBND xã An Nhơn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phan Cẩm Nhung

